

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 450/2025/DS-PT

Ngày: 30-12-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Công Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Tất Thái - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 343/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 571/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 407/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thùy T**, sinh năm 1993. Địa chỉ: T, tờ bản đồ số 4, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trần Triều C**, sinh năm 1999. Địa chỉ: Số A đường T, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/12/2025). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Trần Mai H**, sinh năm 1973 và bà **Phạm Thị Thu H1**, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: Số A, Tổ H, thôn B, xã P, tỉnh Lâm Đồng. Ông H vắng mặt, bà H1 có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị Bảo Q**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn N, xã P, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị Lan P**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số B, đường G, phường C - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Bà **Trần Thị Mai P1**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Đường A, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Do có kháng cáo của bà Trần Thị Thùy T – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị Thùy T trình bày:

Bà và vợ chồng ông Trần Mai H, bà Phạm Thị Thu H1 có mối quan hệ quen biết nên bà có cho vợ chồng ông H, bà H1 vay số tiền 2.150.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 25/3/2023, thời hạn vay là 30 ngày, từ ngày 25/3/2023 đến ngày 25/4/2023, trong giấy vay không thể hiện lãi suất. Đến hạn trả nợ bà đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà H1 trả nợ nhưng vợ chồng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà H1 trả cho bà số tiền vay gốc là 2.150.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày 26/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 509.324.200 đồng; tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 2.659.324.200 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Thu H1 trình bày:

Bà xác định không vay tiền của bà Trần Thị Thùy T. Việc bà viết “Giấy mượn tiền” ngày 25/3/2023 có nội dung bà vay bà T số tiền 2.150.000.000 đồng thì thực tế sự việc như sau:

Từ năm 2022 bà có làm thủ tục đáo hạn Ngân hàng cho người dân. Do bà T làm nhân viên Ngân hàng TMCP Q1 (V) nên bà có liên hệ trao đổi với bà T hỏi các khoản vay lãi ngày để làm đáo hạn và hưởng chênh lệch tiền lãi.

Bà T có giới thiệu bà Nguyễn Thị Bảo Q cho bà vay tiền. Theo hồ sơ sao kê tài khoản giao dịch Ngân hàng thì số tiền bà Q đã chuyển cho bà vay từ ngày 29/8/2022 đến ngày 31/12/2022 là 4.320.000.000 đồng. Bà đã chuyển khoản trả tiền vay qua tài khoản của bà Q để trả nợ tổng cộng là 2.065.999.999 đồng, trong đó tiền trả lãi là 90.000.000 đồng, tiền nợ gốc là

1.975.999.999 đồng; số tiền bà đã chuyển khoản qua tài khoản của bà T để trả nợ vay cho bà Q là 1.056.049.999 đồng. Tổng cộng bà đã trả cho bà Q số tiền nợ gốc là 3.032.049.998 đồng, tiền lãi là 90.000.000 đồng, còn nợ lại bà Q tiền gốc là 1.287.950.002 đồng.

Bà T có nói với bà là bà T và Nguyễn Thị Lan P đã cho bà Q vay 2.900.000.000 đồng (để làm thủ tục đáo hạn Ngân hàng cho mẹ bà Q) nhưng sau khi giải ngân thì bà Q chỉ trả cho bà T số tiền hơn 80.000.000 đồng. Cuối năm 2023 thì bà Q bỏ trốn, trong khi đó bà vẫn đang nợ tiền bà Q nên bà T đã nói bà viết giấy mượn tiền với bà Lan P và viết giấy mượn tiền với bà T.

Bà xác định nội dung Giấy mượn tiền ngày 25/3/2023 thể hiện bà vay bà T số tiền 2.150.000.000 đồng là do bà tự viết nội dung và tự ký ghi họ tên bà nhưng mục đích chỉ để an tâm bà T trong thời gian chờ Công an tìm bà Q chứ thực tế bà không vay tiền của bà T và bà T cũng không giao tiền cho bà vay. Bản thân bà nghĩ trong vòng 01 tháng sẽ tìm được bà Q nên ghi hẹn 30 ngày đến ngày 25/4/2023 sẽ trả hết nợ cho bà T số tiền 2.150.000.000 đồng.

Do đó, việc nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà và chồng là ông Trần Mai H trả cho bà T số tiền vay gốc là 2.150.000.000 đồng, tiền lãi là 509.324.200 đồng; tổng cộng 2.659.324.200 đồng thì bà không đồng ý.

Bị đơn ông Trần Mai H trình bày:

Việc giữa vợ ông bà H1 với bà T vay tiền như thế nào thì ông không biết. Ông không sử dụng tiền và cũng không ký vào giấy nhận nợ nên ông không liên quan. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lan P trình bày:

Bà có mối quan hệ quen biết với nguyên đơn bà T vào khoảng năm 2015. Đối với việc vay mượn giữa bà T và bị đơn bà H1 thì bà không liên quan; bà không có yêu cầu hay tranh chấp trong vụ án này. Do vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mai P1 trình bày:

Bà là chị gái của bà T, việc vay mượn giữa bà T với bị đơn thì bà không rõ nội dung cụ thể. Bà chỉ chứng kiến việc bà H1 viết, ký tên và điểm chỉ vào “Giấy mượn tiền” ngày 25/3/2023. Trong vụ án này, bà không yêu cầu hay có tranh chấp; đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bảo Q vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng, đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T về việc yêu cầu ông Trần Mai H, bà Phạm Thị Thu H1 trả số tiền vay gốc là 2.150.000.000 đồng và tiền lãi là 509.324.200 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 23/9/2025 bà Trần Thị Thùy T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị đơn bà H1 không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu: Về thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của bà Trần Thị Thùy T và thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Qua xem xét nội dung kháng cáo thấy rằng:

Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc 2.150.000.000 đồng và tiền lãi. Bị đơn bà H1 cho rằng không vay số tiền này của nguyên đơn mà do bà T cho bà Nguyễn Thị Bảo Q vay tiền nhưng bà Q

chưa trả cho bà T đã bỏ trốn; trong khi đó bị đơn cũng đang nợ tiền vay của bà Q nên bà T và bị đơn đã thoả thuận viết “Giấy mượn tiền” ngày 25/3/2023 có nội dung bị đơn vay bà T số tiền 2.150.000.000 đồng, thật tế bị đơn không vay tiền của bà T và cũng không nhận tiền vay gì từ bà T, bị đơn chỉ vay và nợ của bà Q.

[2.1]. Xét thấy, tại Biên bản ghi lời khai ngày 27/4/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, bà T đã khai: *“Tôi bắt đầu làm dịch vụ đảo hạn ngân hàng với Q từ khoảng tháng 4/2022 đến tháng 3/2023. Trong thời gian này chúng tôi làm dịch vụ đảo hạn cho rất nhiều hồ sơ, không nhớ rõ cụ thể bao nhiêu hồ sơ, bao nhiêu tiền. Mọi giao dịch đều thực hiện suôn sẻ, tuy nhiên có một khoản vay của chị Phạm Thị Thu H1, địa chỉ: xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng là hiện nay đang còn dư nợ giữa Q và chị H1, hiện nay chị H1 đang còn nợ Q số tiền 1,7 tỷ đồng. Sau khi nhận số tiền 2,9 tỷ đồng từ tôi vào ngày 20/3/2023 thì đến ngày 24/3/2023, Q nhắn tin với tôi về nội dung Q cần trừ nợ của chị H1 sang cho tôi vì Q nói tôi là người đứng ra giới thiệu gọi tiền của Q để cho chị H1 vay nên Q sẽ lấy số tiền 2,9 tỷ đồng đó là bao gồm tiền gốc và tiền lãi kể từ thời điểm chị H1 vay cho đến nay”*.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 09/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, bà T đã khai: *“... đến ngày 24/3/2023 tôi có liên hệ đòi tiền nhiều lần nhưng Q không nghe máy, chỉ nhắn tin lại ... Quỳên nhắn tin qua tài khoản Zalo... với nội dung Q sẽ lấy toàn bộ số tiền 2,9 tỷ đồng để cân trừ nợ số tiền 1.750.000.000 đồng mà chị Phạm Thị Thu H1 hiện đang còn nợ của Q, đồng thời Q nói do tôi là người đứng ra giới thiệu H1 cho Q, để Q đưa tiền cho H1 vay, dẫn đến việc H1 chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho Q nên Q sẽ cân trừ số tiền H1 đang nợ sang cho tôi, Q nói là số tiền gốc 1.750.000.000 đồng, cộng thêm tiền lãi là vừa đủ nên Q sẽ lấy hết số tiền 2,9 tỷ đồng mà Q đã vay của tôi vào ngày 20/3/2023. Còn lại Q nói tôi tự làm việc với chị H1 để nhận lại số tiền 1.750.000.000 đồng mà Q đã gán nợ qua cho tôi”*.

Ngoài ra, tại Biên bản ghi lời khai ngày 07/8/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L cũng thể hiện nội dung bà T khai bà đã đưa cho bà Q 400.000.000 đồng và bà Q đã lấy 400.000.000 đồng này cộng thêm tiền của mình cho bà H1 vay, sau đó bà T được biết bà Q chốt nợ với bà H1 là bà H1 nợ của bà Q số tiền 2.150.000.000 đồng.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản ghi nhận ý kiến của các đương sự ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng,

người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã trình bày: “*Việc giao kết, viết giấy mượn tiền ngày 25/3/2023 thì các bên thực hiện tại quán cà phê và bà T có giao tiền mặt cho bà H1 nhận đủ số tiền 2.150.000.000 đồng*”.

Tuy nhiên, những người ký tên làm chứng tại giấy mượn tiền ngày 25/3/2023 là bà Trần Thị Mai P1 (chị gái của nguyên đơn bà T) và bà Vi Thị T1 trình bày chỉ chứng kiến việc bà H1 ký vào giấy vay tiền nêu trên chứ không chứng kiến việc bà T giao số tiền mặt 2.150.000.000 đồng cho bà H1 như lời trình bày của phía nguyên đơn. Trong khi đó, nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã giao số tiền cho vay 2.150.000.000 đồng cho bà H1.

Như vậy, xét lời khai của nguyên đơn bà T tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L phù hợp với lời khai của bị đơn bà H1, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập trong hồ sơ. Do đó, có cơ sở xác định mặc dù bà H1 có viết và ký tên trong giấy mượn tiền ngày 25/3/2023 với nội dung vay của bà T số tiền 2.150.000.000 đồng; nhưng thực tế không xảy ra việc vay và giao nhận số tiền này giữa nguyên đơn và bị đơn; mà bản chất là do bà T là người đứng ra giới thiệu bà H1 vay tiền của bà Q đồng thời bà T cũng cho bà Q vay tiền nhưng bà Q không trả cho bà T, trong khi đó bà H1 lại đang nợ bà Q nên giữa bà T và bà H1 đã cùng thoả thuận lập giấy mượn tiền ngày 25/3/2023 cản trừ tiền nợ của bà H1 với bà Q sang cho bà T.

[2.3]. Mặt khác, xét thấy việc bà H1 vay tiền của bà Q và việc bà Q vay tiền của bà T là các giao dịch dân sự độc lập, giữa các bên không có sự thoả thuận chuyển giao quyền yêu cầu hay chuyển giao nghĩa vụ với nhau, cụ thể nguyên đơn và bị đơn không chứng minh được bà Q đồng ý chuyển giao quyền yêu cầu bà H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho mình sang cho bà T, nên không phát sinh việc chuyển giao nghĩa vụ. Trường hợp các giao dịch vay tiền giữa bà T với bà Q hay giữa bà Q với bà H1 phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Từ những phân tích, nhận định trên thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác làm thay đổi bản chất vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm không có giá ngạch và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với bị đơn bà Phạm Thị Thu H1 và ông Trần Mai H.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm và phải chịu 85.186.484 (*T2 mươi lăm triệu một trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi bốn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 39.230.000 đồng theo các Biên lai thu số 0004391 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Lâm Đồng) và số 0005239 ngày 15/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà T còn phải nộp 46.256.484 đồng tiền án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 3 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 3 – Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Văn phòng TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: Lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Huỳnh Nguyễn Thanh T3

